TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/HCPT
Ngày: 21 tháng 3 năm 2023
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực trợ cấp xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;
Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 421/2022/TLPT-HC ngày 11 tháng 10 năm 2022 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực trợ cấp xã hội". Do bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1962/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Trần Văn M, sinh năm 1958; trú tại: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông M: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1965; trú tại: Xóm G, xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An.

2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Hồng V, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Châu L, chức vụ: Phó Giám đốc; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trần Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện ông Trần Văn M người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M trình bày:

Ông Trần Văn M là người có công với Cách mạng trong công cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, cứu nước, nhập ngũ vào quân đội ngày 15/11/1977. Chiến đấu ở chiến trường K (Campuchia) hơn 15 tháng trực tiếp chiến đấu, 5 năm chiến đấu và phục vụ chiến đấu, ông M bị thương và sinh bệnh trong quá trình chiến đấu trong môi trường chiến tranh ác liệt, công việc nặng nhọc độc hại, có 14 năm 7 tháng công tác liên tục thực tế, công việc nặng nhọc độc hại, có thời gian công tác đóng bảo hiểm đủ 20 năm 7 tháng quy đổi 30 năm 10 tháng theo Quyết định số 98 ngày 26/8/1992 Sở Lâm nghiệp. Ông M là thương binh đồng thời là bệnh binh mất sức lao động 81%, được Nhà nước công nhận hồ sơ lưu trữ tại Sở L1 (sau đây viết tắt là Sở LĐ-TB-XH) tỉnh Nghệ An nhưng không được thực hiện việc chi trả tiền trợ cấp chế độ người có công. Ông M có đơn khởi kiện và tại Bản án số 09/219/HC-ST ngày 23/08/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử đã có hiệu lực pháp luật; ông M làm đơn yêu cầu thi hành án nhưng Cục thi hành án tỉnh Nghệ An không thi hành án được do trong bản án không thể hiện cụ thể về quyền lợi và tiền trợ cấp hàng tháng, chế độ người có công của ông M. Ông M làm đơn khiếu nại tới Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An, Thanh tra Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, LĐ-TB-XH và Cục người có công trả lời bằng văn bản số 376 NCC-CSL, ngày 13/03/2020 đã gửi Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An để áp dụng giải quyết theo thẩm quyền nhưng Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An không theo hướng dẫn của văn bản Cục người có công.

Quyết định 194 QĐ-LĐTBXH ngày 29/04/2020 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 366 và Văn bản số 1804/LĐTBXH ngày 24/6/2020 của Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An ông M không nhất trí. Mặc dù bản án số 09/2019 HC-SC ngày 23/08/2019 Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An thực hiện theo trình tự của pháp luật đã có hiệu lực nhưng không bảo vệ được về chế độ tiền trợ cấp hàng tháng của người có công, xâm hại đến quyền và lợi ích mà được nhà nước bảo vệ bằng pháp luật của ông M, do đó ông M kiện yêu cầu:

+ Hủy quyết định 194/QĐ-LĐTBXH Nghệ An ngày 29/04/2020 của Giám đốc Sở LĐ-TB-XH tỉnh N.

+ Hủy công văn số 1804/LĐTBXH-TTr ngày 24/6/2020 của Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An.

+ Buộc Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An phải có trách nhiệm trả lại tiền trợ cấp hàng tháng về chế độ người có công của ông M, cắt sai quy định tới nay là 39 năm, số tiền tạm tính 1.499.000.000 đồng.

+ Buộc Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An bồi thường cho ông về tiền đi lại khiếu nại, khiếu kiện từ trung ương đến địa phương số tiền 43.000.000 đồng.

- Người bị kiện, Sở LĐ-TB-XH tỉnh N trình bày:

Thừa nhận ông Trần Văn M tham gia chiến trường chiến đấu và bị thương. Lúc đầu ông M hưởng chế độ hưu trí, quá trình đó thực hiện theo các văn bản quy

định, hồ sơ cũng chưa đảm bảo. Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An đã căn cứ vào các quy định chuyển từ chế độ hưu trí xuống chế độ mất sức lao động; ông M yêu cầu hưởng chế độ thương binh.

Qua xác minh thì có việc ông M tham gia bộ đội, có bị thương khi tham gia Quân đoàn 3 và Quân đoàn 4 nhưng các thông tin và giấy tờ lưu giữ đã khẳng định không trùng khớp, trong giấy tờ, số liệu có sai lệch thông tin mâu thuẫn do các cơ quan chức năng. Trên cơ sở đó, sở đã ban hành Quyết định số 366/QĐ-LĐTBXH-TTr ngày 19/6/2018 giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn M. Hiện tại, ông M không có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 23 của Thông tư 05 năm 2013 của Bộ Lao động; ông M đã ở ngoài quân đội và đã được hưởng chế độ mất sức lao động, các chế độ ưu đãi thì ông M hưởng chế độ mất sức lao động và vừa là thương binh giám định gộp y khoa từ 61% trở lên cho cả hai chế độ thì ông M chỉ được hưởng chế độ mất sức.

Việc ban hành Quyết định số 194/QĐ-NCC ngày 29/4/2020 của Giám đốc Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An sửa đổi, bổ sung Quyết định số 366/QĐ-LĐTBXH-TTr ngày 19/6/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn M và Công văn số 1084/KL-SLĐTBXH ngày 05/7/2019 là việc chấp hành Bản án số 09/2019/HC-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và các văn bản của các cấp có liên quan. Căn cứ để ban hành các Quyết định và văn bản này là gồm có: Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐ-TB-XH về hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân; Công văn số 9119/UBND ngày 24/12/2013 của UBND tỉnh Nghệ An giao Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An điều chỉnh lại một số nội dung Quyết định số 366/QĐ-LĐTBXH.TTr ngày 19/6/2018; Bản án số 09/2019/HC-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An; Quyết định số 01/2020/QĐ-THA ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An về việc buộc thi hành án hành chính; Công văn số 2337/UBND-TCD ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện Quyết định thi hành án hành chính của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An; Công văn số 247/TTr-NCC ngày 22/4/2020 của Thanh tra Bộ LĐ-TB-XH về việc thương binh hưởng đồng thời chế độ mất sức lao động; Công văn số 376/NCC-CS1 ngày 13/3/2021 của Cục người có công, Bộ LĐ-TB-XH; Báo cáo số 92/BC-LĐTBXH ngày 16/12/2014 của Phòng LĐ-TB-XH huyện N; Kết quả trả lời của Bộ Quốc phòng kiểm tra xác minh trường hợp thương binh của ông Trần Văn M khi có ý chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa B; Văn bản số 60/SĐ-PCT ngày 16/6/2021 của Sư đoàn C, Quân đoàn 3 và việc thay thế văn bản số 274/SĐ-PCT ngày 18/4/2018 của Sư đoàn C, Quân đoàn 3 về việc xác nhận hồ sơ thương binh, bệnh binh ông Trần Văn M; Báo cáo số 1633/BC-SĐ kết quả rà soát, xác minh các nội dung liên quan đối với ông Trần Văn M; Báo cáo số 1784/BC-TBLS ngày 16/7/2020 của Cục C1; Công văn số 2686/BQP-CT ngày 29/7/2020 của Bộ Quốc phòng xác minh hồ sơ thương binh của ông Trần Văn M.

Do đó, không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 7, Điều 30, khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; điểm đ, khoản 2 Điều 13; Điều 22 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; điểm c khoản 1 Điều 23 Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐ-TB-XH hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân; Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M:

+ Hủy Công văn số 1804/LĐTBXH-TTr ngày 24/6/2020 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Nghệ An. Buộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Nghệ An phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M, về yêu cầu:

+ Hủy Quyết định 194/QĐ-LĐTBXH Nghệ An ngày 29/04/2020 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Nghệ An;

+ Buộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Nghệ An phải có trách nhiệm trả lại tiền trợ cấp hàng tháng về chế độ người có công của ông M bị cắt sai quy định tới nay là 39 năm, số tiền tạm tính 1.499.000.000 đồng;

+ Buộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Nghệ An bồi thường cho ông về tiền đi lại khiếu nại, khiếu kiện từ trung ương đến địa phương số tiền 43.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 20/6/2022, người khởi kiện ông Trần Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Trần Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông Trần Văn M người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Theo Quyết định số 090 của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 và Quyết định số 21 của Ty Thương binh - Xã hội tỉnh Nghệ Tĩnh thì ông M được hưởng cùng một lúc 02 chế độ là thương binh và bệnh binh từ năm 1982 cho đến nay nhưng từ năm 1982 cho đến nay không được chi trả. Ông M khiếu nại, Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An ban hành các văn bản trả lời không chấp nhận nên ông khởi kiện yêu cầu huỷ các văn bản Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An ban hành trả lời ông M, yêu cầu được chi trả số tiền của 02 chế độ ông M được hưởng từ năm 1982 đến nay, quy đổi theo tỷ lệ phần trăm và số tiền được hưởng, điều chỉnh được hưởng qua các năm tạm tính là 1.499.000.000 đồng; do ông M phải đi lại khiếu nại, khởi kiện nên yêu cầu Sở LĐ-

TB-XH tỉnh Nghệ An phải thanh toán số tiền chi phí là 43.000.000 đồng. Căn cứ ông M kiện ngoài các quyết định của Quyết định số 090 của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Quyết định số 21 của Ty Thương binh - xã hội tỉnh Nghệ Tĩnh thì còn có thẻ thương binh của ông M và căn cứ vào mục b điểm 2 Điều 2 Nghị định số 102 năm 2002 của Chính phủ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Trần Văn M là trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Văn M trong thời hạn được quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm có mặt người khởi kiện có kháng cáo và người đại diện theo uỷ quyền; vắng mặt những người bị kiện nhưng người đại diện theo uỷ quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ ý kiến các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính để tiến hành việc xét xử vụ án.

[1.3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Các Quyết định, văn bản của Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An và yêu cầu được bồi thường của người khởi kiện là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng bị khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An và xác định yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của ông Trần Văn M đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu huỷ Quyết định số 194/QĐ-LĐTBXH ngày 29/4/2020 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 366/QĐ-LĐTBXH.TTr

ngày 19/6/2018 của Giám đốc Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn M2:

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Thực hiện việc thi hành án hành chính đối với Bản án số 09/2019/HCST, ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An; Giám đốc Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 194/QĐ-LĐTBXH ngày 29/4/2020 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 366/QĐ-LĐTBXH.TTr ngày 19/6/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn M là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, nghĩa vụ theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 13, Điều 22 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.1.2] Về nội dung quyết định:

- Các tài liệu hồ sơ thể hiện ông Trần Văn M nhập ngũ từ tháng 11/1977 đến tháng 03/1979, là chiến sỹ thuộc Trung đoàn 320 Quân đoàn 3, từ tháng 03/1979 đến tháng 4/1980 là học viên Trường sỹ quan L3, từ tháng 4/1980 đến tháng 9/1982 là thiếu úy Trường sỹ quan Quân đoàn 4. Ngày 01/01/1982, ông M có Quyết định phục viên 86 của Tư lệnh Quân đoàn 4. Đến tháng 6 năm 1982 ông được Quân đoàn 4 xác lập hồ sơ bệnh binh (theo Biên bản giám định số 71/TT-MS ngày 08/6/1979 kết luận tỷ lệ mất sức lao động 50% "đã khám gộp tỉ lệ thương tật 31%" của Hội đồng y khoa Quân đoàn 4, Quân y viện 4). Tháng 02/1983, ông M làm công nhân Lâm trường Con Cuông; theo mục 2, Thông tư số 13 ngày 15/8/1978 của Bộ TB-XH hội quy định: những quân nhân bị mất sức lao động bị mất sức từ 41-59% mà được chuyển sang công tác tại cơ quan Nhà nước thì không được hưởng chế độ bệnh binh được quy định tại Nghị định số 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ Trưởng.

- Ông M giám định tổng hợp thương binh và bệnh binh ngày 28/8/1984, mất sức 50%, Ngày 31/3/1992 ông M giám định khả năng lao động số 1117/GĐYK-SK, kết luận khả năng lao động của ông M loại B và cùng năm 1992 ông M làm việc tại Lâm trường C. Do ông M có thời gian công tác thực tế là 14 năm 4 tháng quy đổi là 21 năm 6 tháng và do tuổi đời chưa đủ 60 tuổi, không được chế độ hưu, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ Trưởng; Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An giải quyết cho ông M được hưởng chế độ mất sức lao động.

- Theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐ-TB-XH về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân thì ông M được hưởng đồng thời chế độ bệnh binh và chế độ mất sức lao động.

- Các tài liệu hồ sơ về ngày tháng năm sinh của ông M không thống nhất với nhau nhưng ông M thừa nhận ông sinh năm 1958 và thoát ly từ năm 1977, hồ sơ nghỉ hưu đã tăng 9 tuổi và 6 năm công tác nên có căn cứ khẳng định thời gian công tác thực tế của ông M là 14 năm 04 tháng, chưa đủ hưởng chế độ mất sức lao

động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐ-TB-XH hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

- Hồ sơ mất sức lao động của ông Trần Văn M thể hiện ông đang hưởng chế độ mất sức lao động hàng tháng, tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 50% (tại Biên bản giám định y khoa số 71/TT-MS ngày 08/6/1982 của Hội đồng giám định y khoa Quân y viện 4 đã khám tổng hợp tỉ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật 31% và bệnh tật đối với ông Trần Văn M. Ông M cho rằng ông đã được khám định tỷ lệ tách rời theo Biên bản giám định năm 1984 nhưng không có tài liệu để chứng minh. Đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐ-TB-XH hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân thì ông Trần Văn M không đủ điều kiện hưởng đồng thời chế độ mất sức lao động và trợ cấp thương binh hàng tháng.

[2.1.3] Như vậy, Quyết định số 194/QĐ-LĐTBXH ngày 29/4/2020 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 366/QĐ-LĐTBXH.TTr ngày 19/6/2018 của Giám đốc Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn M là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, về nội dung đã giải quyết có căn cứ pháp luật, không gây thiệt hại cho ông Trần Văn M.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu buộc Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An phải có trách nhiệm trả lại tiền trợ cấp hàng tháng về chế độ người có công của ông M do cắt sai quy định tới nay là 39 năm, số tiền tạm tính 1.499.000.000 đồng và bồi thường cho ông về tiền đi lại khiếu nại, khiếu kiện từ trung ương đến địa phương số tiền 43.000.000 đồng:

Như đã phân tích tại mục [2.1], việc Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 194/QĐ-LĐTBXH ngày 29/4/2020 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 366/QĐ-LĐTBXH.TTr ngày 19/6/2018 của Giám đốc Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn M là đúng quy định của pháp luật. Công văn số 1804/LĐTBXH-TTr ngày 24/6/2020 của Sở LĐ-TB-XH tỉnh Nghệ An mặc dù ban hành không đảm bảo trình tự, thủ tục và thẩm quyền nhưng về nội dung đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không gây thiệt hại cho ông Trần Văn M. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Trần Văn M là có căn cứ pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn M người cao tuổi và là bệnh binh nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn M; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2022/HC–ST, ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Văn M.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng